TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 272/2018/HNGĐ-ST Ngày: 04-10-2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân và bà Nguyễn Thị Diệu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 08 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị H, theo giấy ủy quyền ngày 21 tháng 06 năm 2018 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm B, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Đình Tr; nơi cư trú: Xóm S, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 08 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Đình Tr đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y vào ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2017 thì xẩy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân: Anh Tr không có lập trường, nghe mẹ và chị xui xút, rồi coi thường, không tôn trọng, quan tâm đến Chị. Trong lúc chị mới sinh con, anh Tr không những không quan tâm mà còn yêu cầu Chị dậy tự chăm sóc mình và con.

Do vậy Chị và con đã về ngoại sống ly thân từ 20/12/2017 đến nay và cắt mọi quan hệ.

Tháng 03 năm 2018 Chị đã viết đơn ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thành giải quyết; Tòa án đã hòa giải vận động vợ chồng về đoàn tụ gia đình, chị đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên sau khi rút đơn anh Tr vẫn không quan tâm đến vợ con.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung.

Phạm Trâm A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2017

Cháu khỏe mạnh, đang ở với Chị.

Nếu ly hôn Chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ttrong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền bà Cao Thị H trình bày: Hiện nay cháu Phạm Trâm A chưa đủ 36 tháng tuổi, nên đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H phải ở nhà nuôi con nhỏ, anh Tr làm nghề sửa chữa điện, đồ điện và kinh doanh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H không yêu cầu; anh Tr không yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại bản tự khai đề ngày 10 tháng 09 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Phạm Đình Tr trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y vào ngày 29 tháng 03 năm 2017.

Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, không ai, lừa dối, ép buộc.

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xẩy ra mâu thuẫn cho tới nay.

Nguyên nhân: Tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xích mích, to tiếng, xúc phạm nhau, nên bà ngoại đã đưa mẹ con, đồ đạc về ngoại sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay.

Khi vợ chồng sống ly thân Anh đã nhiều lần lên Ông, Bà ngoại để vận động chị H về đoàn tụ gia đình nhưng nói chuyện với ông, bà ngoại và chị H là hai bên đổ lỗi cho nhau, rồi cãi nhau.

Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên Anh muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung.

Phạm Trâm A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Con còn nhỏ, chị H đang nuôi con nên nếu ly hôn Anh có nguyện vọng giao tiếp tục giao con cho chị H nuôi và Anh cấp dưỡng cho con mỗi tháng 500.000 đồng, nếu có Anh sẽ đưa thêm sau.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình Tr được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2017 ngày 29 tháng 03 năm 2017, thủ tục, điều kiện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình vợ chồng không hợp nhau, anh Tr không có tình thương, thiếu trách nhiệm, bỏ mặc, ép buộc chị H làm việc trong thời gian nghỉ sinh.

Vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ từ đầu năm đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã vận động thuyết phục chị H về đoàn tụ gia đình nhưng chị H không chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H đã thỏa mãn những căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đủ cơ sở chấp nhận cho ly hôn.

[3]Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung.

Phạm Trâm A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2017.

Con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H đang nuôi con chung.

Chị H, anh Tr thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của anh Tr, chị H là tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Chị H yêu cầu anh Trâm cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/ tháng.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/09/2018 và tại phiên tòa anh Trâm chấp nhận cấp dưỡng cho con 500.000 đồng/ tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung mới 09 tháng tuổi, chị H chưa có việc làm ở nhà nuôi con; anh Trâm làm nghề kinh doanh điện gia dụng và sửa chữa nên Anh có thu nhập và ổn định nên buộc anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng 800.000 đồng/ tháng là phù hợp Điều 82 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu của chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng.

[4]Về chia tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, Anh Tr không yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình Tr.

2.Về nuôi con chung:

Giao con chung là Phạm Trâm A, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Đình Tr phải đóng góp nuôi con với chị Nguyễn Thị H số tiền là 800.000đ/tháng (Tám trăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu Phạm Trâm A thành niên .

Anh Phạm Đình Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3.Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003021 ngày 28 tháng 08 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Đình Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ